

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HS-ST
Ngày 26 tháng 6 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Thẩm phán: Ông Lâm Thuận Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khỏe, bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh và bà Nguyễn Thị Trúc Linh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Như Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Thuận và ông Hoàng Hiến - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn S, sinh ngày 13/01/1985 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi thường trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang và nơi ở hiện tại: Tổ A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S1 và bà Phan Thị L; vợ là Phan Thúy L1 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh A (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Bà Phan Thị V là Luật sư Văn phòng Luật sư Phan Thị V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A. Địa chỉ: Lô D Khu dân cư B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bị hại:

1. Ông Lê Hồng H, sinh năm 1969 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Số A khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thúy L1, sinh 1981; nơi thường trú: khóm T, phường M,

thành phố L, tỉnh An Giang và nơi ở hiện tại: Tổ A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bà Phan Thanh T, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

Người làm chứng: Đào Thị Kim T1, Nguyễn Thanh L2 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do kinh doanh bị thua lỗ, không có việc làm, thiếu tiền nhiều người nên Trần Văn S nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Lê Hồng H trước đây là nhân viên trong công ty của Sáng. Để thực hiện, khoảng tháng 4/2023 S đến nhà H đưa ra thông tin gian dối để rủ H góp vốn mua cám gạo ở huyện G, tỉnh Kiên Giang về bán lại kiếm lời. Sáng chịu trách nhiệm đi thu mua và tìm nơi bán, còn H cung cấp vốn, lợi nhuận thu được sẽ chia đều. Tin thật, từ ngày 24/4/2023 đến ngày 29/5/2023, H và Nguyễn Thị M (vợ của H) đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của Phan Thúy L1 (vợ S) và Phan Thanh T (chị vợ của S) với tổng số tiền 993.200.000 đồng. Sau khi nhận tiền, S không mua cám và cũng không trả nợ mà sử dụng vào việc đánh bạc trên trang web 188Bet.com và thua hết. Sau nhiều lần bị H đòi tiền, Sáng đã 04 lần chuyển khoản trả tiền cho H, tổng cộng 140.750.000 đồng. Hiện, S còn chiếm đoạt của H số tiền 852.450.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 52/CT-VKSAG-P2 ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố bị cáo Trần Văn S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn S trình bày: Bị cáo không có ý kiến hoặc bất kỳ khiếu nại về quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu trên, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Các bị hại thống nhất với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt như cáo trạng quy kết, đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm luận tội: Giữ nguyên truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Văn S từ 12 năm đến 14 năm tù. Về phần trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại tổng cộng số tiền 814.450.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Tuyên trả cho bà Phan Thanh T 01 thẻ ngân hàng S2 tên Phan Thanh T.

Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư Phan Thị V thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang về phần tội danh và các tình tiết giảm nhẹ như đại diện Viện kiểm sát đã trình bày. Tuy nhiên, về mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ sau: Bị cáo đã thành khẩn ăn năn, hối

cải; đã vận động gia đình khắc phục cho bị hại số tiền 38.000.000 đồng; bị cáo mới phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự; gia đình bị cáo có công với cách mạng, có bà nội được Chủ tịch nước 02 lần tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng III do có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, còn phải nuôi cha mẹ già và con nhỏ. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử có thể xem xét xử phạt bị cáo với mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố và nhận thức được việc làm sai trái của bản thân, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Sự có mặt của các đương sự: Một số người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử, giải quyết vụ án; mặt khác những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước phiên tòa. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[3] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Theo đó, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Từ ngày 24/4/2023 đến ngày 29/5/2023, để có tiền tiêu xài, trả nợ, Trần Văn S đã đưa ra thông tin gian dối rủ bị hại góp vốn mua cám gạo về bán lại kiếm lời và đã chiếm đoạt của vợ chồng bị hại ông Lê Hồng H, bà Nguyễn Thị M với tổng số tiền 993.200.000 đồng. Như vậy, căn cứ pháp luật, Trần Văn S đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm được quy định và trừng phạt tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

[4] Về tính chất: Vụ án thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về

tài sản của công dân được pháp luật Nhà nước bảo vệ đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương do đó cần có mức án nghiêm để răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo phạm tội nhiều lần với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét về nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã vận động gia đình khắc phục được số tiền 178.750.000 đồng; gia đình có công với cách mạng, có bà nội là bà Trần Thị N là người được Chủ tịch nước hai lần tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng III trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe như đề xuất của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy, hoàn cảnh hiện tại của bị cáo và gia đình khó khăn nên việc áp dụng hình phạt bổ sung là không cần thiết, do vậy Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền còn chiếm đoạt là 814.450.000 đồng. Xét thấy, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trực tiếp xâm hại đến tài sản của các bị hại do đó buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền trên.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng do bà Phan Thúy L1 (vợ của bị cáo) và số tiền 30.000.000 đồng do bà Phan Thanh T (chị vợ của bị cáo) thay bị cáo nộp khắc phục, quá trình điều tra bà T không yêu cầu đối với số tiền này và tại phiên tòa hôm nay, bà L1 cũng không yêu cầu cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra có thu giữ 01 (một) thẻ ngân hàng S2 đứng tên Phan Thanh T không liên quan đến vụ án, do đó cần tuyên trả lại cho bà T

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với việc Trần Văn S khai tham gia đánh bạc được thua bằng tiền trên trang web 188Bet.com, do trang mạng đánh bạc ở nước ngoài nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A không khởi tố tội đánh bạc là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Trần Văn S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn S 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 15/12/2023).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Trần Văn S có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông Lê Hồng H và bà Nguyễn Thị M số tiền 814.450.000 đồng (tám trăm mười bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trả lại cho bà Phan Thanh T 01 (một) thẻ ngân hàng S2 tên PHAN THANH T2 (đặc điểm như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/5/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A và Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 36.433.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 36.633.000 đồng (ba mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Phòng lưu trữ hồ sơ - Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Tòa Hình sự; Văn phòng; hồ sơ.

Nguyễn Thị Thúy Hồng